

Bản tin chứng khoán

Trong số này

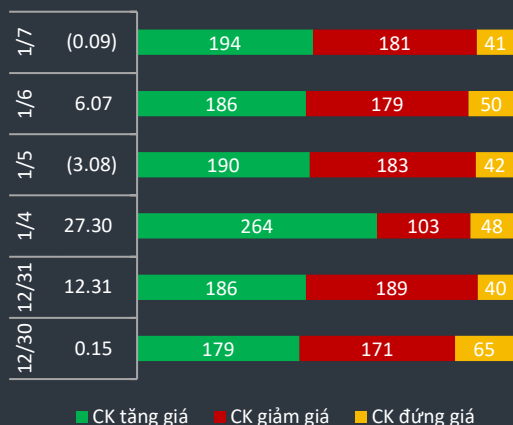
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	140.85
KBC	67.83
HPG	57.07
GAS	44.40
VCG	43.87
DXG	24.72
BCM	23.25
MSN	(54.61)
HSG	(82.06)
NVL	(121.77)
VNM	(125.62)
VIC	(160.11)
VRE	(265.27)

Phiên cuối tuần biến động không nhiều và kết thúc phiên không thay đổi so với hôm trước. Nhóm blue chip trong đó VN30 vẫn điều chỉnh khá mạnh với 2/3 số mã giảm. Nhiều nhất là VRE -2.4%, TPB -2.4%, CTG -2.4%, STB -2.3%. Có thể thấy nhóm Vingroup và ngân hàng giảm mạnh nhất đã làm chỉ số VN30 rơi hơn 12 điểm trong khi chỉ số Vnindex lại đứng giá nhờ nhóm cổ phiếu nhỏ và Mid cap.

Nhóm ngành bất động sản và xây dựng vẫn tỏ ra mạnh mẽ, dòng tiền đổ vào rất mạnh đẩy nhiều cổ phiếu vượt đỉnh như DIG, LCG, FLC, LDG, CII, QCG, HQC, DXG ... Nhóm BĐS vẫn trỗi dậy mạnh mẽ và chỉ sau vài nhịp điều chỉnh lại tiếp tục tăng tốc mạnh mà có phần ăn theo cơn sóng đầu tư công mở đầu năm nay. Với những doanh nghiệp đã vượt quá xa giá trị doanh nghiệp sẽ sớm trở lại vùng giá thật. Việc định giá doanh nghiệp bất động sản cũng sẽ có nhiều thay đổi khi giá đất có sự biến động quá nhanh trong vài tháng gần đây đặc biệt là sau sự kiện đấu giá đất Thủ Thiêm vừa rồi. Làn sóng bất động sản năm nay sẽ còn tiếp tục được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng tích cực tuy nhiên sẽ sớm có sự điều chỉnh đặc biệt là những cổ phiếu có nền tảng cơ bản kém sẽ khó có thể tăng giá mãi được.

Các nhóm ngành thép, phân đạm vẫn đang chứng lại và vẫn đang trong giai đoạn phân phối, đặc biệt là nhóm ngành phân đạm khi nhiều dự báo lợi nhuận nhóm doanh nghiệp ngành này sẽ không còn đạt lợi nhuận khủng như năm trước. Nhóm ngành thép dự báo tiếp tục tăng trưởng nhưng sẽ không đạt biên lợi nhuận cao như năm trước.

Các nhóm ngành chứng khoán cũng đang đi ngang trong tuần qua dù mức tăng trung ngành vẫn đạt gần 5%. Những cổ phiếu chứng khoán tăng tốt nhất trong tuần vừa qua có thể kể như CTS, VIX ăn theo nhóm cổ phiếu GEX, VDS, BVS.

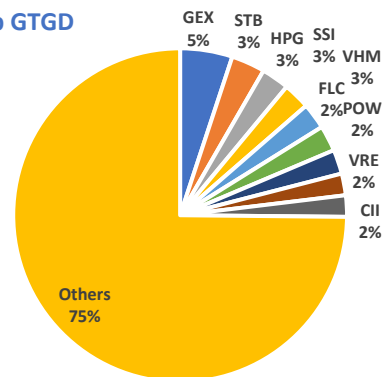
Cổ phiếu ngân hàng sau vài phiên tăng tốt đã di chuyển chậm lại và một số mã đang điều chỉnh mạnh như TPB, STB, CTG. Nhìn chung nhóm ngân hàng vẫn đang trong giai đoạn tích lũy tăng trưởng trở lại và những bank đang chú ý có thể kể: OCB, VIB, TPB, TCB, MBB, STB. CTG, BID.

Vnindex 1,528.48

▼ -0.09 (-0.01%)



Top GTGD



Chỉ số Vnindex đã có tuần lễ đầu tiên rất hứng khởi với mức tăng gần 30 điểm trong 4 phiên. Thanh khoản cũng mở đầu cho một năm mới dự báo tiếp tục tăng trưởng khi những phiên vừa qua giá trị giao dịch liên tục chạm mốc 30 ngàn tỷ đồng. Dòng tiền vào thị trường vẫn ồ ạt và chảy vào nhóm cổ phiếu nóng mà chủ yếu là bất động sản và xây dựng như DIG, DXG, LDG, CII, HBC, FLC, LCG. Một số cổ phiếu khu công nghiệp nhà đầu tư cũng lưu ý đón sóng năm mới như GVR, D2D, SZC, PHR, LHG.

Thị trường sau khi vượt ngưỡng 1500 sẽ di chuyển chậm lại và có vài nhíp rung lắc. Nhà đầu tư tận dụng các nhíp điều chỉnh để tích lũy cổ phiếu, ưu tiên ở các nhóm ngành đang có lực cầu tốt như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản đặc biệt là khu công nghiệp như OCB, STB, TPB, MBB, TCB, VPB, VCI, SSI, VND, DBC, ITA, LDG, KBC, HBC, LCG...

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VIB	46.2	4.4	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-1.7%
MBB	28.6	0.5	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	-1.4%
DBC	74.8	3.9	70	90	Mua quanh 74	1/6/2022	1.1%
OCB	26.9	1.1	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 24-25	7/12/2021	17.0%
TCB	49.5	0.3	50	75	Nắm giữ. Mua thêm quanh 50	11/24/2021	-4.8%
MWG	135.5	0.9	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	0.4%
DGW	125.0	0.6	120	150	Mở mua mới quanh 125. Mục tiêu 150	1/4/2022	0.0%
PET	39.6	6.2	25	45	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	41.4%
LCG	25.5	17.8	15	30	Nắm giữ, mục tiêu 30	9/28/2021	82.1%
GVR	38.5	4.1	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	31.0%
HCM	44.9	(2.4)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	32.1%
VCI	72.1	(2.4)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	47.1%
SSI	51.6	(1.9)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	56.4%
HPG	45.8	0.2	44	65	Nắm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	1.8%

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	75.5	4,900	6.94
POW	20.2	900	4.68
GAS	107.5	3,800	3.66
BID	39.2	1,200	3.16
PLX	56.3	800	1.44
VCB	79.8	700	0.88
MBB	28.6	250	0.88
MSN	154.0	200	0.13
VHM	85.4	100	0.12
VJC	123.8	-	-
FPT	93.4	(100)	(0.11)
VNM	85.2	(200)	(0.23)
GVR	38.5	(100)	(0.26)
SSI	51.6	(300)	(0.58)
HPG	45.8	(300)	(0.65)
HDB	30.3	(200)	(0.66)
PNJ	93.9	(700)	(0.74)
PDR	93.0	(800)	(0.85)
REE	69.3	(600)	(0.86)
HVN	22.7	(200)	(0.88)
TCB	49.5	(450)	(0.90)
SAB	153.2	(1,400)	(0.91)
BVH	55.6	(600)	(1.07)
VIB	46.2	(500)	(1.07)
ACB	33.3	(450)	(1.33)
MWG	135.5	(2,000)	(1.45)
VPB	34.6	(550)	(1.56)
NVL	86.4	(1,800)	(2.04)
VIC	102.2	(2,300)	(2.20)
STB	32.0	(750)	(2.29)
CTG	33.2	(800)	(2.35)
TPB	41.0	(1,000)	(2.38)
VRE	34.8	(850)	(2.39)
DHG	114.6	(8,400)	(6.83)

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

LCG	6.93
NVT	6.93
DIG	6.94
VPH	6.94
FTM	6.95
NBB	6.95
HAI	6.95
SGR	6.96
TNA	7.00
HLG	9.23
CLG	12.00
ATG	12.90
HVG	13.33
KSH	13.73
HTT	13.89
DIC	14.29
TS4	15.00

Top tăng giá HNX

VC7	9.80
DL1	9.80
HLD	9.85
LDP	9.85
L18	9.88
KHB	9.89
VXB	9.94
L14	9.99
SPP	11.11
NDF	11.54
LTC	11.76
SJC	12.12
HKB	12.50
CTA	13.04
KSK	13.79
PVE	14.04
DPS	14.29
PVX	14.29
LO5	14.29
ASA	14.52
HNH	14.71
NHP	14.81
MPT	14.81
DID	14.97

DBC - CTCP Tập đoàn Dabaco – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với chỉ tiêu doanh thu hơn 22.500 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 918 tỷ đồng.

AAS - Công ty cổ phần Chứng khoán Smart Invest - Ước tính cả năm doanh thu hoạt động năm 2021 đạt gần 960 tỷ đồng vượt chỉ tiêu gấp 2,35 lần so với kế hoạch điều chỉnh là 200 tỷ đồng, lũy kế lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt gần 475 tỷ đồng.

BCM - Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - Đã thông qua kết quả kinh doanh năm 2021 của công ty mẹ gồm doanh thu 6.500 tỷ đồng, thực hiện 97% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế 1.128 tỷ đồng, vượt 1% kế hoạch năm. So với năm 2020, doanh thu gấp đôi và lợi nhuận tăng 60%.

GDT - Công ty cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành - Ghi nhận tổng doanh thu năm 2021 tăng 4% so với kế hoạch, đạt 338,6 tỷ đồng; song kết quả này chỉ bằng 85% năm 2020. Sau khi trừ các chi phí, Đức Thành báo lãi ròng năm vừa qua cao hơn kế hoạch 8% và đạt hơn 70,1 tỷ đồng. Song, kết quả này vẫn thấp hơn thực hiện năm 2020 khoảng 30%.

HAP - Tập đoàn Hapaco - Sẽ chào bán 55,47 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cp. Ngày 21/1 là ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để phân bổ quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 28/1 đến 21/2 và thời gian đăng ký mua, nộp tiền từ 28/1 đến 28/2.

VIC - Tập đoàn Vingroup – Đã thông qua việc phát hành khoảng 8,72 triệu cổ phiếu cho KEB Hana Bank với tư cách là bên nhận ủy thác của Hanwha Vietnam Opportunity Private Fund 1 để chuyển đổi gần 7,42 triệu cổ phiếu ưu đãi (tỷ lệ 1,18:1). Giá chuyển đổi là 94.381 đồng/cp, tương ứng thấp hơn 10% so với thị giá ngày 6/1. Thời gian thực hiện trong quý I.

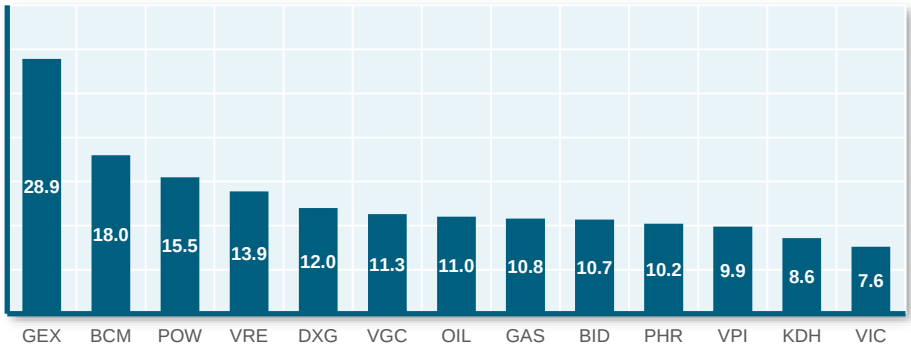
AGM - CTCP Xuất nhập khẩu An Giang - Năm 2021, Angimex ước tính đạt hơn 3.903 tỷ đồng doanh thu và 47 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng 99% và 56% so với thực hiện trong năm 2020.

ADS - Công ty cổ phần Damsan - Công bố kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 gồm doanh thu 2.223 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 121 tỷ đồng. So với kế hoạch 2021, doanh thu tăng 30% và lợi nhuận tăng 68%.

PHC - CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings – Đã thông qua việc góp vốn hơn 82,7 tỷ đồng thành lập Công ty TNHH Đầu tư địa ốc An Thịnh Phát, tương ứng tỷ lệ sở hữu 32,44% của Công ty mới.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	34.6	11,996,200	6.8	1.4	-	382,000	153,813	17.11	5,056	24,447
VIB	HOSE	46.2	2,216,300	8.2	3.4	8,200	1,200	71,755	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	79.8	966,200	14.4	2.8	285,000	344,700	377,655	23.55	5,532	28,293
VBB	HNX	18.4	54,344	22.2	1.6	-	-	8,789	-	830	11,579
VAB	HOSE	17.7	770,883	14.8	1.3	-	-	7,876	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	41.0	4,150,700	9.0	2.2	67,800	263,900	64,852	29.35	4,565	18,925
TCB	HOSE	49.5	7,832,200	10.7	2.1	148,000	148,000	173,615	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	32.0	28,165,900	16.6	1.9	1,216,700	896,400	60,233	17.75	1,922	16,846
SSB	HOSE	42.5	2,220,900	24.7	3.5	900	-	62,762	0.04	1,723	12,310
SHB	HOSE	22.1	10,968,100	10.1	1.6	6,900	20,100	58,938	3.26	2,183	14,014
SGB	HNX	18.2	158,285		1.5	-	-	5,606	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	34.2	195,720	46.3	2.5	-	-	10,260	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.9	2,941,100	7.1	1.5	108,500	53,600	36,850	21.99	3,799	17,827
NVB	HOSE	39.0	285,608		3.6	1,800	200	15,865	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	20.9	352,989	6.2	1.3	-	-	10,731	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	27.1	5,665,400	8.2	1.5	-	100	41,395	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.6	9,526,200	7.3	1.4	813,000	812,400	108,060	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.2	7,848,300	8.6	1.5	330,100	1,000	26,720	4.06	2,591	14,466
KLB	HOSE	25.3	140,528	12.4	1.8	-	-	9,145	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	30.3	4,097,600	7.9	1.7	164,600	459,200	60,970	17.16	3,854	17,399
EIB	HOSE	33.4	844,500	38.2	2.4	22,400	13,100	41,063	29.72	874	14,061
CTG	HOSE	33.2	12,412,400	7.6	1.3	339,300	1,059,300	159,551	25.73	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.4	2,427,281	19.4	1.8	-	-	8,223	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	39.2	4,367,700	15.6	1.9	465,100	38,900	198,294	16.69	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.3	26,541	23.5	1.8	-	31	16,795	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.3	3,323,800	7.2	2.2	6,100,000	6,100,000	89,975	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.0	2,356,401	7.9	1.3	-	-	12,569	30.00	2,801	16,671
			126,312,080	14.43	1.96	10,078,300	10,594,131	1,892,359		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ASM	HOSE	14/01/2022	17/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	BSP	UPCoM	13/01/2022	14/01/2022	27/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	GDT	HOSE	10/1/2022	11/1/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
4	VNM	HOSE	10/1/2022	11/1/2022	25/02/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DHA	HOSE	10/1/2022	11/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SAB	HOSE	7/1/2022	10/1/2022	27/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HTC	HNX	7/1/2022	10/1/2022	26/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DPH	UPCoM	7/1/2022	10/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NDW	UPCoM	6/1/2022	7/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BST	HNX	6/1/2022	7/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ACC	HOSE	6/1/2022	7/1/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:25, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	TLG	HOSE	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VXT	UPCoM	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BWS	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HD6	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	NTL	HOSE	4/1/2022	5/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TBC	HOSE	31/12/2021	4/1/2021	21/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	NSC	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	28/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BCF	HNX	31/12/2021	4/1/2022	17/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BWE	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	21/04/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SIV	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	EMS	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:909	Thưởng cổ phiếu
28	TDM	HOSE	30/12/2021	31/12/2021	26/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931